

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/02/2023

V/v Kiện xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung
2. Bà Nguyễn Thị Bạ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Kiện xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: 97D NVL, phường TA, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: Hẻm 383/63 NVC, phường TL, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Anh Lê Văn T trình bày:

Tôi và cô Phan Thị H có tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/11/2006 tại UBND xã Ea Ly, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên, trên cơ sở tự nguyện thương yêu nhau.

Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung: Cháu Lê Tâm N sinh ngày 20/1/2010 và cháu Lê Quốc H, sinh ngày 04/3/2019 hiện nay cháu đang ở với cô Hương.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong đời sống gia đình nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn hòa hợp được, vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân nhau không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô H.

Về con chung: Tôi đề nghị giao cháu Lê Tâm Nh sinh ngày 20/1/2010 và cháu Lê Quốc H, sinh ngày 04/3/2019 cho cô H nuôi dưỡng tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn bà Phan Thị H cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Phan Thị H theo đúng trình tự tố tụng dân sự, nhưng bà Phan Thị H đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX và các đương đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn của ông Lê Văn T, giải quyết cho ông Lê Văn T ly hôn với bà Phan Thị H.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Tâm Nh, sinh ngày: 20/01/2010 và cháu Lê Quốc H, sinh ngày: 04/3/2019 cho bà Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Lê Văn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn T và bà Phan Thị H có tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/11/2006 tại UBND xã Ea Ly, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình điều tra ông Lê Văn T xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên đã sống ly thân nhau. Do đó ông Lê Văn T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng ông Lê Văn T và bà Phan Thị H có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau, nay ông Lê Văn T xin được ly hôn với bà Phan Thị H, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng ông Lê Văn T và bà Phan Thị H không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau đã sống ly thân, nguyện vọng của ông Lê Văn T xin ly hôn bà Phan Thị H là phù hợp theo điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung; Chấp nhận việc ông Lê Văn T giao cháu Lê Tâm Nh sinh ngày 20/1/2010 và cháu Lê Quốc H, sinh ngày 04/3/2019 cho bà Phan Thị H nuôi dưỡng tuổi trưởng thành. Ông Lê Văn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 BLTTDS; Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của ông Lê Văn T. Ông Lê Văn T được ly hôn bà Phan Thị H.

Về con chung: Giao cháu Lê Tâm Nh sinh ngày 20/1/2010 và cháu Lê Quốc H, sinh ngày 04/3/2019 cho bà Phan Thị H nuôi dưỡng tuổi trưởng thành. Ông Lê Văn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí LHST, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0012715 ngày 21/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND xã Ea Ly, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Viết Kiên